

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 275/2020/DS-PT

Ngày 17-9- 2020

V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Sanh Đạt

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2019/ TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 358/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số ..., ấp Long K, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay:, khóm Hòa A, phường .., thành phố Sa Đ.

Người đại diện hợp pháp của chị H: Ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967.

Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020.

Địa chỉ:, ấp Khánh N, xã Tân Khánh Đ, thành phố Sa Đ.

*** Bị đơn:** Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số, ấp Long H, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn Á, sinh năm 1960;

2. Anh Võ Chung T, sinh ngày 01/12/2000;

Cùng địa chỉ: Số ..., ấp Long H, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Phan Thị H sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số .., ấp Long K, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: ..., khóm Hòa A, phường .., thành phố Sa Đ.

*** Người kháng cáo:** Bà Trương Thị Minh H là bị đơn và ông Võ Văn Á là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Đ, bà H, ông Á, bà H, anh T có mặt tại phiên tòa. Anh T, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/9/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2017; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Thị Mỹ H có cho bà Trương Thị Minh H vay nhiều lần cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 17/3/2016 cho vay 200.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn khi nào chị H cần thì bà H sẽ trả, nhưng không thực hiện.

+ Lần 2: Ngày 07/7/2016 cho vay 10.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn đến ngày 07/9/2016 sẽ trả, nhưng không thực hiện.

+ Lần 3: Ngày 15/12/2016 cho vay 14.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn đến ngày 15/01/2017 sẽ trả, nhưng không thực hiện.

Các lần vay bà H đều có ký tên vào biên nhận.

Nay chị Trần Thị Mỹ H yêu cầu bà Trương Thị Minh H và ông Võ Văn Á liên đới trả số tiền vay 224.000.000 đồng vốn và lãi 90.180.000 đồng (tính từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án). Cộng chung vốn, lãi là 314.180.000 đồng.

Chị H không yêu cầu gì đối với anh Võ Chung T, bà Phan Thị H.

- Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Trương Thị Minh H trình bày:

- Ngày 07/7/2016 bà H có vay của chị H 10.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn đến ngày 07/9/2016 sẽ trả và bà H trả xong. Cụ thể trả trong các ngày 09, 10, 11, 12, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 tháng 7; Ngày 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08, 22, 23, 24 tháng 8 năm 2016 bà H có đưa cho Phan Thị H là mẹ của chị H nhận mỗi ngày 250.000 đồng, cộng chung là 14.000.000 đồng (Trong đó gồm có vốn là 10.000.000 đồng, lãi 4.000.000 đồng) để đưa lại cho Trần Thị Mỹ H trả cho số tiền vay trong biên nhận ngày 07/7/2016.

- Ngày 15/12/2016 bà H tiếp tục vay của chị H 14.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn đến ngày 15/01/2017 đã trả vốn 12.000.000 đồng.

Bà H xác định là không có vay của chị H số tiền 200.000.000 đồng và cũng không có ký tên vào biên nhận ngày 17/3/2016.

Bà H không đồng ý theo yêu cầu của chị H. Bà H thống nhất trả cho chị H 2.000.000 đồng vốn và lãi với mức lãi suất 1%/tháng.

Bà H không có yêu cầu gì đối Võ Chung T, Phan Thị H.

- Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Á trình bày:

Ông Á không đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ cho Trần Thị Mỹ H. Võ Văn Á không yêu cầu gì đối Võ Chung T, Phan Thị H.

- Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Chung T trình bày:

Võ Chung T có thay mặt mẹ là Trương Thị Minh H trả cho Trần Thị Mỹ H ba lần cụ thể là:

Lần thứ nhất ngày tháng năm nào không nhớ, trả cho biên nhận nào cũng không biết, nhưng có đưa cho Trần Thị Mỹ H 5.000.000 đồng và có nhờ Trần Thị Mỹ H ký tên xác nhận đã nhận tiền nhưng Trần Thị Mỹ H không đồng ý ký xác nhận.

Lần thứ hai ngày tháng năm nào không nhớ, trả cho biên nhận nào cũng không biết, có đưa cho Phan Thị H 4.000.000 đồng để nhờ trả cho Trần Thị Mỹ H.

Lần thứ ba ngày tháng năm nào không nhớ, trả cho biên nhận nào cũng không biết, có đưa cho Phan Thị H 3.000.000 đồng để nhờ trả cho Trần Thị Mỹ H.

Ngoài ra, Võ Chung T không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

- Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị H trình bày:

Phan Thị H không có nhận tiền do Trương Thị Minh H, Võ Văn Á, Võ Chung T trả cho Trần Thị Mỹ H. Do đó, Phan Thị H không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp đã xử tuyên:

1. Buộc Trương Thị Minh H, Võ Văn Á liên đới trả cho Trần Thị Mỹ H vốn vay 224.000.000 đồng, lãi 90.180.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 314.180.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Trần Thị Mỹ H mà Trương Thị Minh H, Võ Văn Á chậm trả 314.180.000 đồng thì hàng tháng Trương Thị Minh H, Võ Văn Á còn phải liên đới trả cho Trần Thị Mỹ H thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

3.1. Trương Thị Minh H, Võ Văn Á phải liên đới chịu 15.709.000 đồng (mười lăm triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Trương Thị Minh H, Võ Văn Á chưa nộp).

3.2. Hoàn trả cho Trần Thị Mỹ H 6.286.500 đồng (sáu triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 12683, ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Buộc Trương Thị Minh H, Võ Văn Á liên đới hoàn trả cho Trần Thị Mỹ H 2.025.000 đồng (hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí giám định.

3.4. Trương Thị Minh H phải chịu 6.500.000 đồng (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định (Trương Thị Minh H đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2019, bà Trương Thị Minh H là nguyên đơn, ông Võ Văn Á là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trương Thị Minh H xác định kháng cáo là không đồng ý trả số tiền của biên nhận ngày 17/3/2016 là 200.000.000 đồng; biên nhận ngày 07/7/2016 là 10.000.000 đồng và biên nhận ngày 15/12/2016 là 14.000.000 đồng và lãi cho chị Trần Thị Mỹ H.

Ông Võ Văn Á kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà H trả cho chị H số tiền 224.000.000 đồng và lãi 90.180.000 đồng.

[1] Theo chị H có cho bà Hiếu vay nhiều lần cụ thể:

- Ngày 17/3/2016 cho bà H vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 07/7/2016 cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2016 tiếp tục cho bà H là 14.000.000 đồng.

Tổng cộng là 224.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, khi vay bà H có ký tên vào biên nhận ngày 17/3/2016. Trong quá trình vay bà H không đóng lãi, nhiều lần yêu cầu bà H trả vốn nhưng bà H không trả vốn. Chị H yêu cầu bà H và ông Võ Văn Á liên đới trả 224.000.000 đồng và lãi 90.180.000 đồng.

Bà H không thừa nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng, không thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 17/3/2016, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị H.

Đối với biên nhận ngày 07/7/2016, số tiền 10.000.000 đồng và biên nhận ngày 15/12/2016, số tiền 14.000.000 đồng, bà H thừa nhận có ký tên vào biên nhận, nhưng bà H cho rằng số tiền vay biên nhận ngày 07/7/2016 đã trả xong số tiền 10.000.000 đồng, do bà Phan Thị H1 là mẹ của chị H nhận; Biên nhận ngày 15/12/2016 đã trả được số tiền 12.000.000 đồng, do Võ Chung T là con

của bà H trả cho chị H nhận (03 lần) còn nợ lại 2.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả cho chị H 2.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng của số tiền 2.000.000 đồng.

Xét thấy, bà H1 không thừa nhận là bà H1 có nhận số tiền 10.000.000 đồng do bà H trả và chị H cũng không thừa nhận là có nhận số tiền 12.000.000 đồng do anh T trả. Bà H, anh T cũng không có chứng cứ chứng minh bà H1 và chị H là người nhận tiền, nên việc bà H kháng cáo không đồng ý trả cho chị H số tiền 24.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với biên nhận ngày 17/3/2016, bà H không thừa nhận chữ ký, chữ viết là của bà H. Tại kết luận giám định số 642/KL-KTHS ngày 30/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: “Chữ ký, chữ viết Trương T. M. H”, tại biên nhận ngày 17/3/2020 là của bà H. Bà H không đồng ý và yêu cầu Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định, tại Kết luận định giám định số 1867/C09B ngày 07/5/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Chữ ký, chữ viết Trương T. M. H”, tại biên nhận ngày 17/3/2020 là của bà H. Sau khi có kết quả giám định Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H trả 200.000.000 đồng vốn và lãi. Bà H không đồng ý kháng cáo và tiếp tục yêu cầu giám định bổ sung. Tại kết luận giám định số 162/C09-P5 ngày 29/7/2020 của Viện Khoa học hình sự-Bộ Công An kết luận: Chữ ký và các chữ “Trương T. M. H” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định ký hiệu so với chữ ký, chữ viết của Trương Thị Minh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

Qua 03 kết quả giám định, đủ cơ sở xác định bà H là người vay tiền của chị H, nên việc chị H yêu cầu bà H trả vốn 200.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo các biên nhận số tiền chị H cho bà H lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, theo chị H trong quá trình vay bà H không đóng lãi, chị H yêu cầu bà H trả tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, hướng có lợi cho bà H.

Theo đó số tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 17/3/2016 đến ngày 17/8/2019:

$200.000.000 \text{ đ} \times 1\% \times 41 \text{ tháng} = 82.000.000 \text{ đ}.$

- Từ ngày 07/7/2016 đến ngày 07/8/2019:

$10.000.000 \text{ đ} \times 1\% \times 37 \text{ tháng} = 3.700.000 \text{ đ}.$

- Từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/8/2019:

$14.000.000 \text{ đ} \times 1\% \times 32 \text{ tháng} = 4.480.000 \text{ đ}.$

Tổng cộng tiền lãi 90.180.000 đồng.

Như vậy, việc chị H yêu cầu bà H vốn 224.000.000 đồng và lãi 90.180.000 đồng, tổng cộng 314.180.000 đồng là có cơ sở.

Xét kháng cáo của bà H không đồng ý trả cho chị H số tiền 224.000.000 đồng và lãi 90.180.000 đồng, tổng cộng 314.180.000 đồng là không có cơ sở.

Xét, kháng cáo của ông Võ Văn Á không đồng ý liên đới cùng bà H trả cho chị H 314.180.000 đồng. Theo ông Á việc bà H vay tiền của chị H ông Á không biết, nên không đồng ý cùng với bà H trả số tiền vay cho chị H. Xét thấy, theo các biên nhận ngày 17/3/2016, ngày 07/7/2016 và ngày 15/12/2016 có các chữ ký người vay tiền là bà H, không có chữ ký của ông Á là chồng của bà H cùng vay tiền của chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Á thừa nhận bà H vay của chị H số tiền 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/7/2016 và số tiền 14.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/12/2016, về mua bán trái cây ông Á biết. Việc mua bán trái cây thu nhập, bà H cũng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nên ông Á có trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả cho chị H 02 khoản vay là 24.000.000 đồng vốn và lãi 8.180.000 đồng. Đối với số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/3/2016, chị H không có chứng cứ chứng minh, bà H vay tiền có sự thống nhất của ông Á và số tiền vay bà H và ông Á cùng sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình, nên việc chị H yêu cầu ông Á liên đới cùng chịu trách nhiệm trả số tiền vay 200.000.000 đồng là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Á.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông Á, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Á, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do kháng cáo của ông Á được chấp nhận một phần, nên ông Á không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của bà H không được chấp nhận, nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Minh H.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn Á.
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ H.

2. Buộc bà Trương Thị Minh H, ông Võ Văn Á liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ H vốn vay 24.000.000 đồng, lãi 8.180.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 32.180.000 đồng (ba mươi hai triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Buộc bà Trương Thị Minh H trả cho chị Trần Thị Mỹ H vốn 200.000.000 đồng vốn, lãi 82.000.000 đồng, tổng cộng 282.000.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất, thì bên phải thi hành án phải khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trương Thị Minh H, ông Võ Văn Á phải liên đới chịu 1.609.000 đồng (một triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Bà Trương Thị Minh H nộp 14.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.3 Hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ H 6.286.500 đồng (sáu triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 12683, ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

5.1 Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà H 300.000 đồng theo biên lai số 0001786 ngày 04/9/2019, được trừ vào tiền án phí.

5.2 Ông Á không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Á là 300.000 đồng theo biên lai số 0001787 ngày 04/9/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V.

6. Về chi phí giám định:

- Chi phí giám định lần 1: 2.025.000 đồng.
- Chi phí giám định lần 2: 6.500.000 đồng.
- Chi phí giám định lần 3: 5.072.000 đồng.

Tổng cộng: 13.597.000 đồng.

Bà H phải chịu toàn bộ chi phí giám định 13.597.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.025.000 đồng, bà H đã nộp chi phí giám định 11.572.000 đồng và đã chi xong. Buộc bà H nộp 2.025.000 đồng chi phí giám định hoàn trả cho chị H.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai V;
- CCTHADS huyện Lai V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tấn Tạng